

GIAO SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRONG CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP CHƯA TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân huyện)

TT	Đơn vị	Tổng số lượng người làm việc đề nghị giao năm 2025	Trong đó		Ghi chú
			Số biên chế đề nghị giao năm 2025	Hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP của Chính phủ	
I	Sự nghiệp khác	8	8	0	
1	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp, môi trường và đô thị huyện	8	8		
II	Sự nghiệp VH-TT	13	13	0	
	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện	13	13		
III	Sự nghiệp GD&ĐT	685	683	2	
	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện□	22	22		
Mầm non		214	213	1	
1	Trường MN 19-5 (thị trấn Đắk Rve)	35	35		
2	Trường MN Tân Lập	19	19		
3	Trường MN Ánh Dương (xã Đắk Ruồng)	44	43	1	
4	Trường MN Hoa Hồng (xã Đắk Tờ Re)	29	29		
5	Trường MN Họa Mi (xã Đắk Tờ Re)	24	24		
6	Trường MN Đắk Tơ Lung	21	21		
7	Trường MN Đắk Pne	21	21		
8	Trường MN Đắk Kôi	21	21		
Tiểu học		269	269	0	
1	Trường TH Đắk Rve (thị trấn Đắk Rve)	41	41		
2	Trường TH Tân Lập	30	30		
3	Trường TH Lê Quý Đôn (xã Đắk Ruồng)	51	51		
4	Trường TH Kim Đồng (xã Đắk Tờ Re)	35	35		
5	Trường TH KaPaKơLong (xã Đắk Tờ Re)	37	37		
6	Trường TH Đắk Tơ Lung	25	25		
7	Trường PTDTBT-TH Đắk Pne	22	22		
8	Trường TH Đắk Kôi	28	28		
THCS		180	179	1	
1	Trường THCS Đắk Rve	31	30	1	
2	Trường THCS Tân Lập	20	20		

TT	Đơn vị	Tổng số lượng người làm việc đề nghị giao năm 2025	Số biên chế đề nghị giao năm 2025	Hợp đồng theo Nghị định số 111/NĐ-CP của Chính phủ	Ghi chú
3	Trường THCS Đắk Ruồng	30	30		
4	Trường THCS Đắk Tô Re	41	41		
5	Trường PTDTBT-THCS Đắk Tơ Lung	19	19		
6	Trường PTDTBT-THCS Đắk Pnê	18	18		
7	Trường PTDTBT-THCS Đắk Kôi	21	21		
IV	Sự nghiệp Y tế	113	113	0	0
1	Ban Giám đốc	3	3		
2	Phòng Chức năng	19	19		
2.1	Phòng Tổ chức – Hành chính – Tài chính – Kế toán	10	10		
2.2	Phòng Kế hoạch – Nghiệp vụ – Điều dưỡng – Kiểm soát nhiễm khuẩn	5	5		
2.3	Phòng Dân số – Truyền thông và Giáo dục sức khỏe	4	4		
3	Khoa chức năng	44	44		
3.1	Khoa Kiểm soát bệnh tật và HIV/AIDS – Tư vấn và điều trị nghiện chất	7	7		
3.2	Khoa An toàn thực phẩm – Y tế công cộng – Dinh dưỡng	4	4		
3.3	Khoa Khám bệnh – Cấp cứu – Hồi sức Tích cực và Chống độc – Răng hàm mặt – Mắt – Tai mũi họng	6	6		
3.4	Khoa Ngoại – Phẫu thuật – Gây mê hồi sức – Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phụ sản	7	7		
3.5	Khoa Nội – Nhi – Truyền nhiễm	6	6		
3.6	Khoa Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng	5	5		
3.7	Khoa Dược – Trang thiết bị – Vật tư y tế	5	5		
3.8	Khoa Xét nghiệm Chẩn đoán hình ảnh	4	4		
4	Phòng khám đa khoa khu vực ĐẮK RVE	10	10		
5	Trạm Y tế	37	37		
5.1	Trạm Y tế xã Đắk Pnê	6	6		
5.2	Trạm Y tế xã Tân Lập	6	6		
5.3	Trạm Y tế xã Đắk Ruồng	5	5		
5.4	Trạm Y tế xã Đắk Tơ Lung	6	6		
5.5	Trạm Y tế xã Đắk Kôi	7	7		
5.6	Trạm Y tế xã Đắk Tô Re	7	7		
	Tổng cộng: I+II+III+IV:	819	817	2	